



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Ngày 30/09/2025	17,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.2%	17.4%	70.8%

DT thuần Q3/25
323
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 135 72.0%
YoY: ▲ 199 161%

LN thuần Q3/25
15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3,491 -99.6%
YoY: ▼ 29.0 -65.3%

LN sau thuế Q3/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3,493 -99.7%
YoY: ▼ 30.9 -74.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
5.0%
YoY: +/- ▼ 1863%

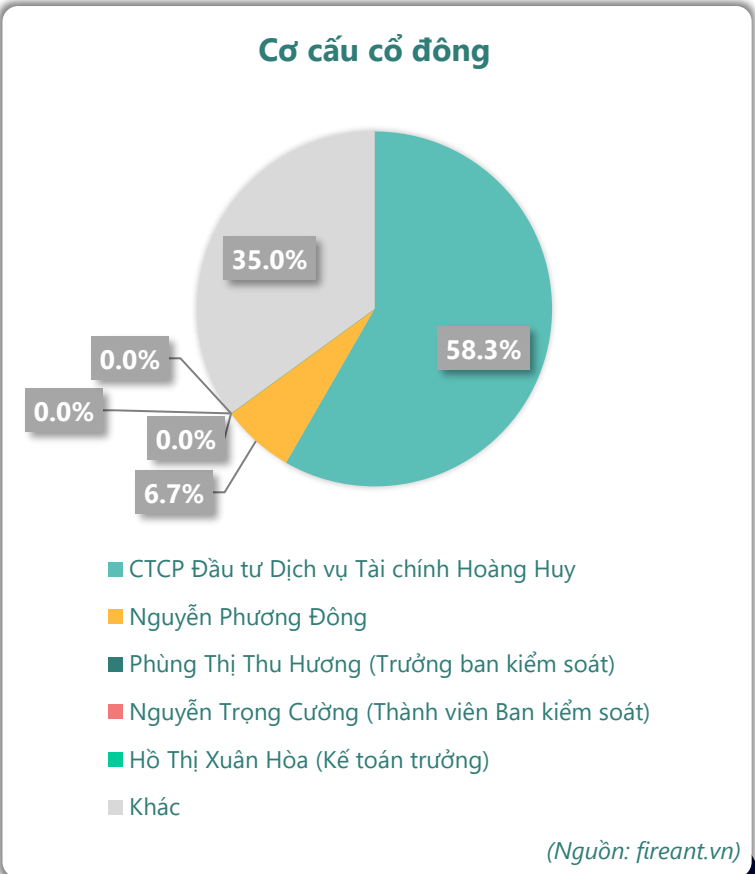
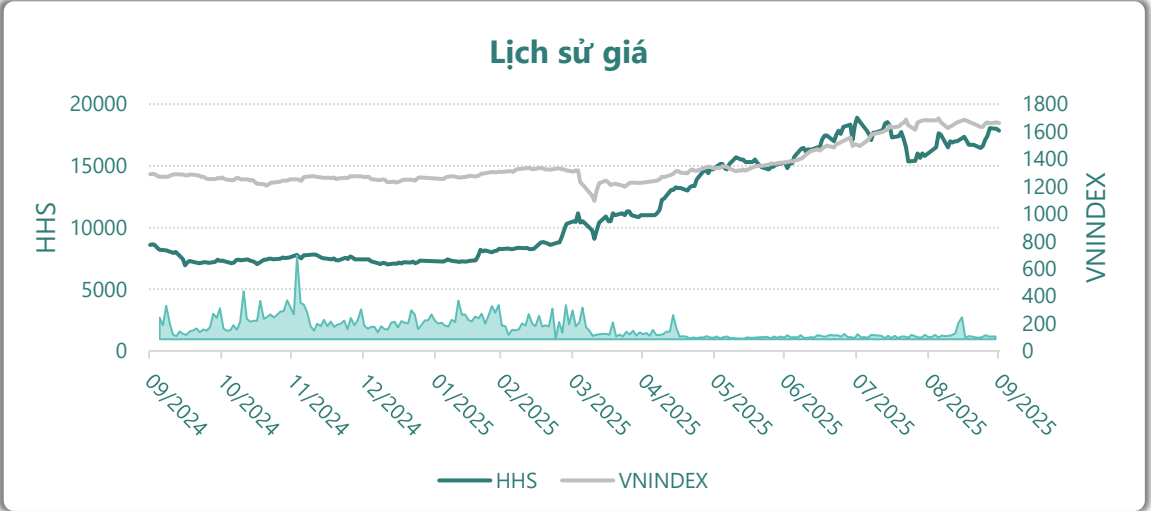
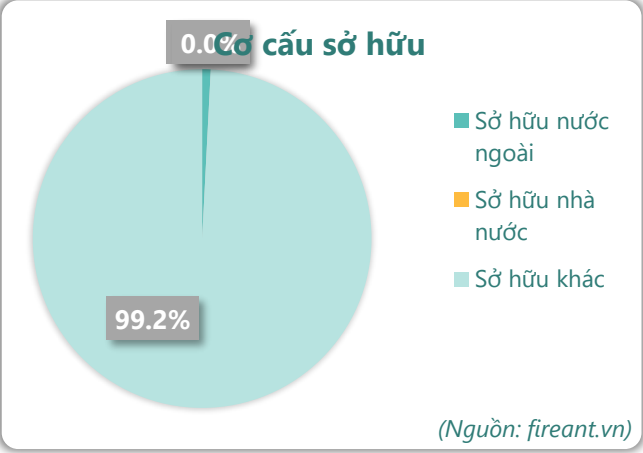
ROE (TTM) Q3/25
34.4%
YoY: +/- ▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,940 - 18,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,711
Số lượng CPLH (CP)	431,985,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,576,690
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.14
EPS	8,472
P/E	2.1

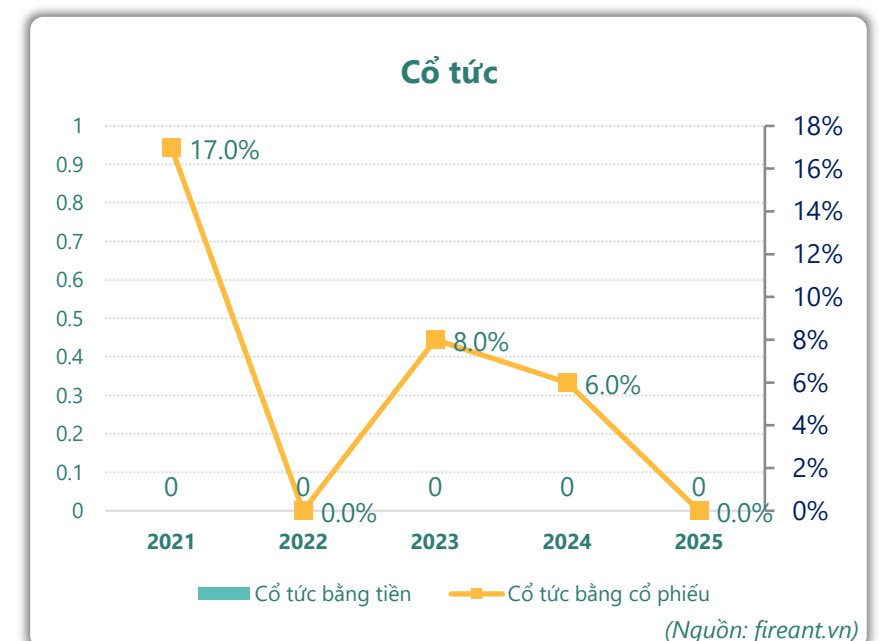
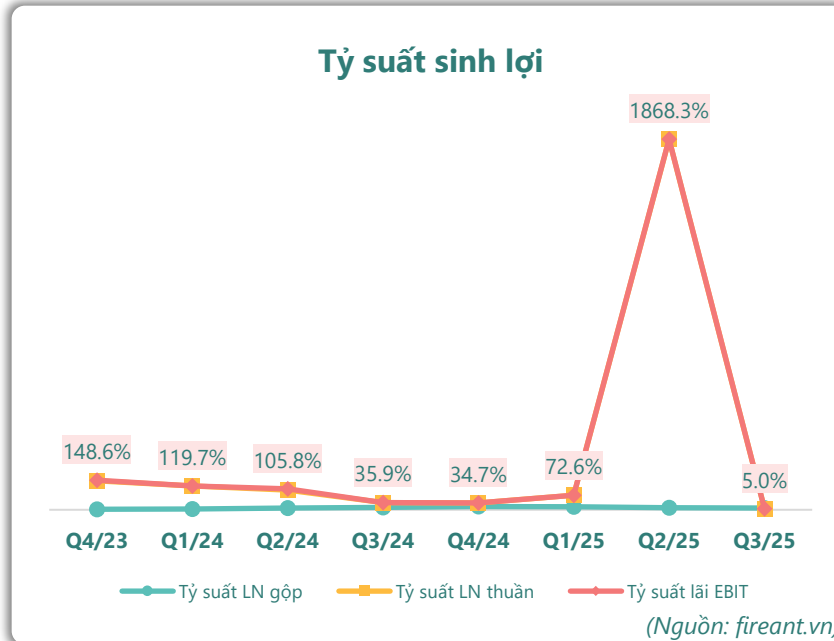
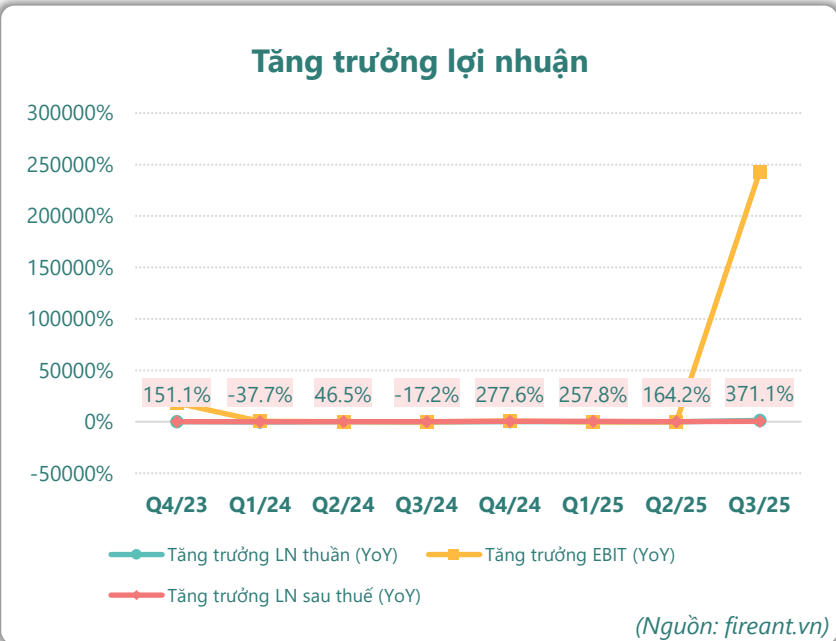
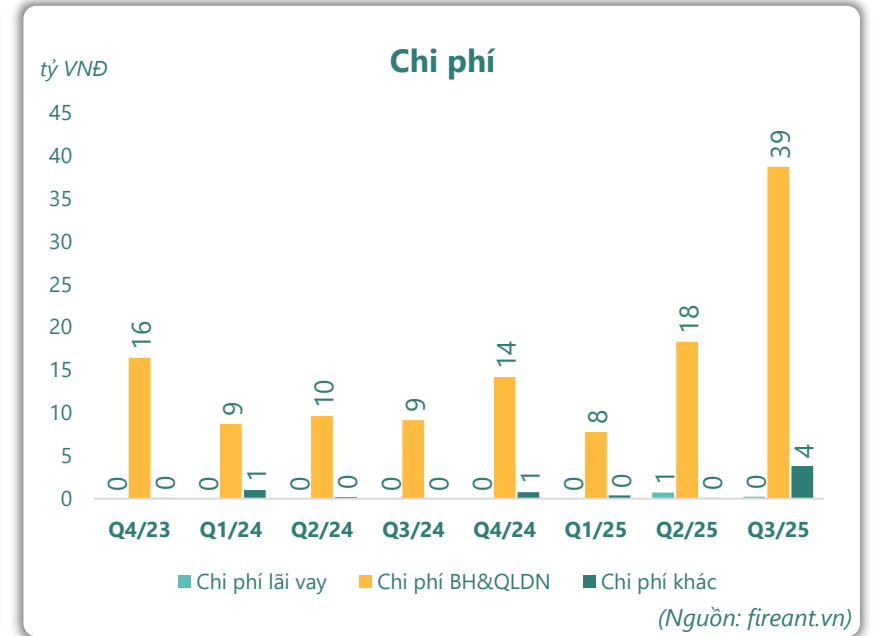
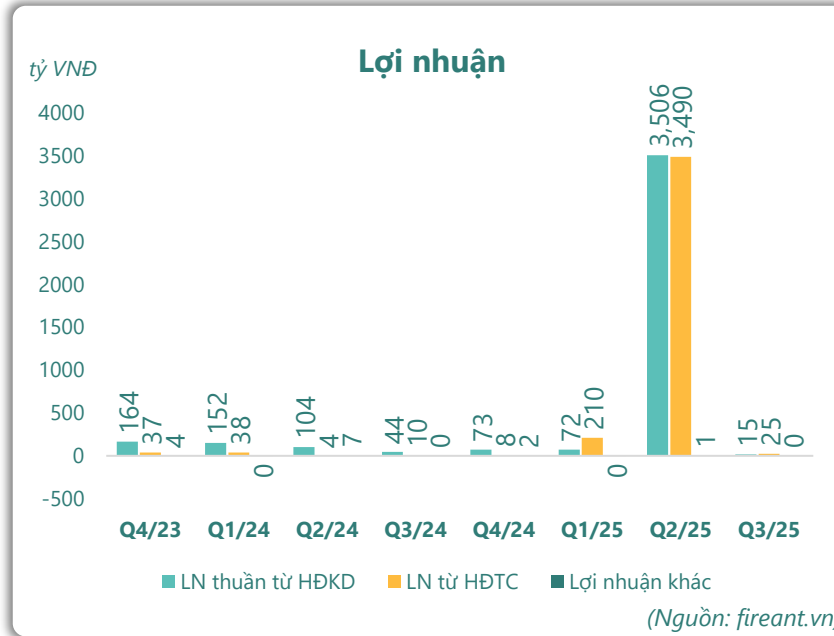
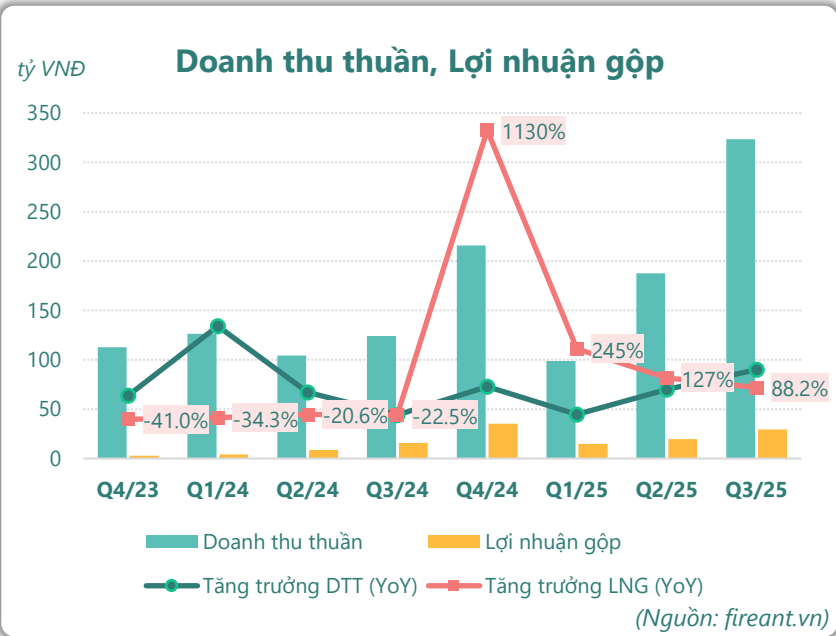
DT thuần 9T 2025
610
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 255 71.7%

LN thuần 9T 2025
3,593
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,293 1098%

LN sau thuế 9T 2025
3,582
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,282 1093%



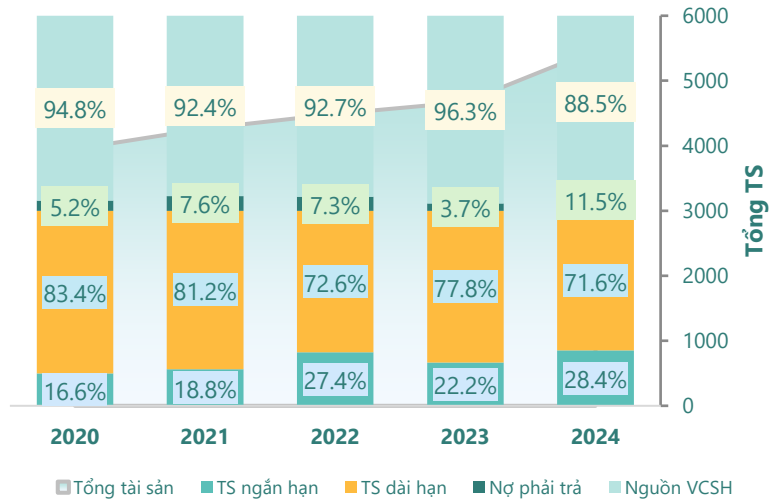
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

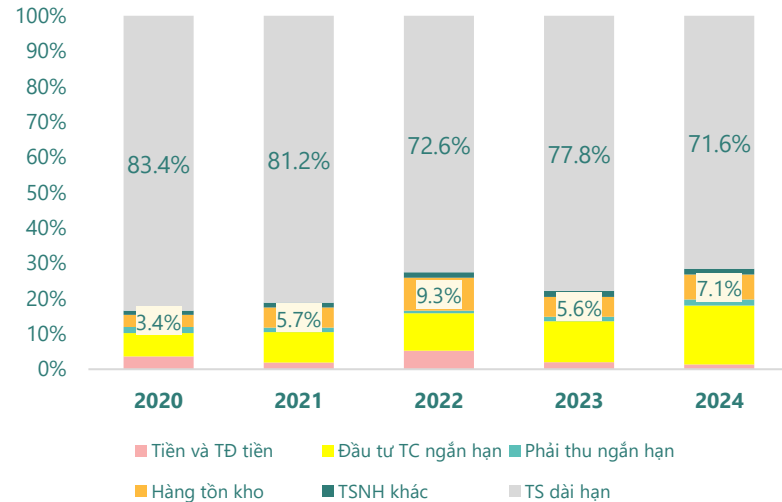
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

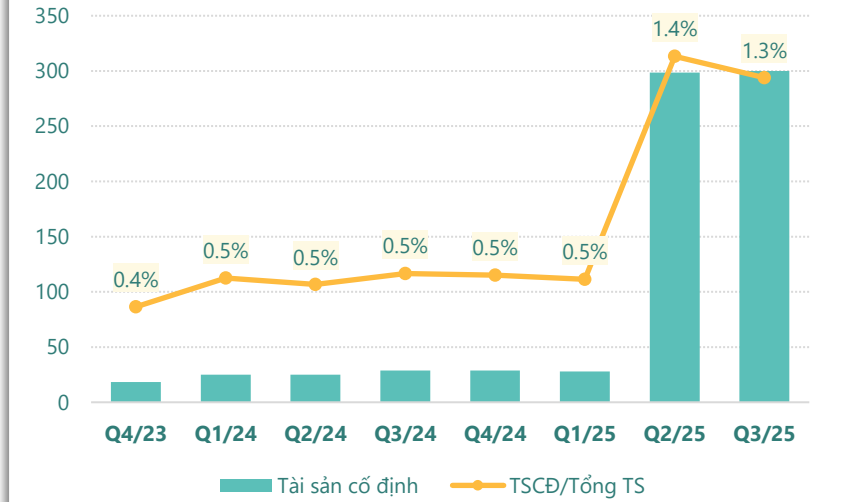
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

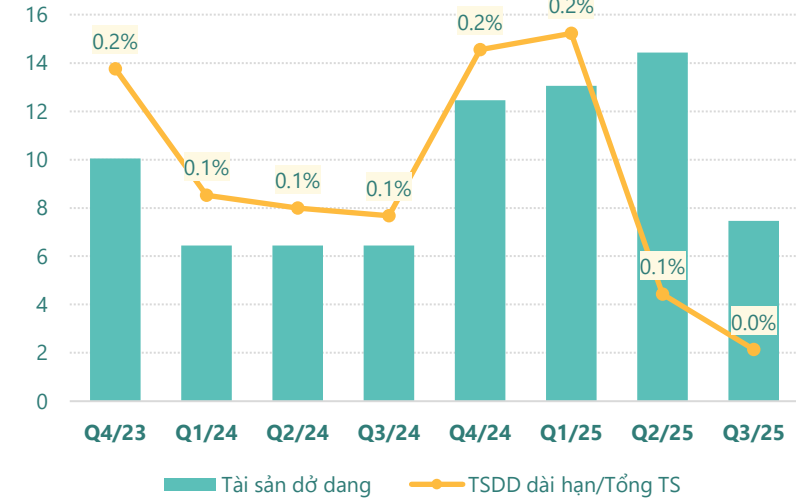
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

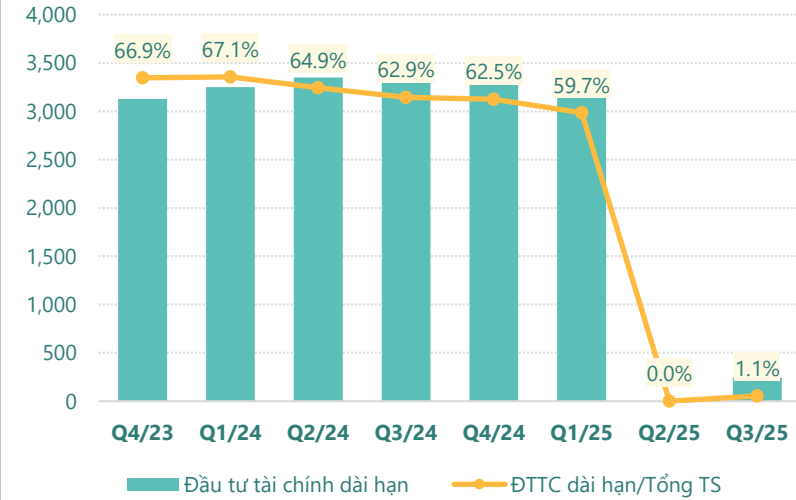
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

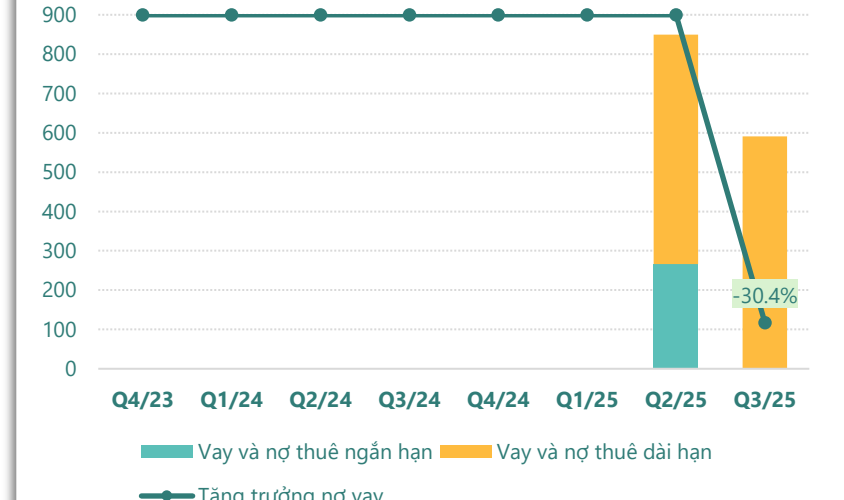
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

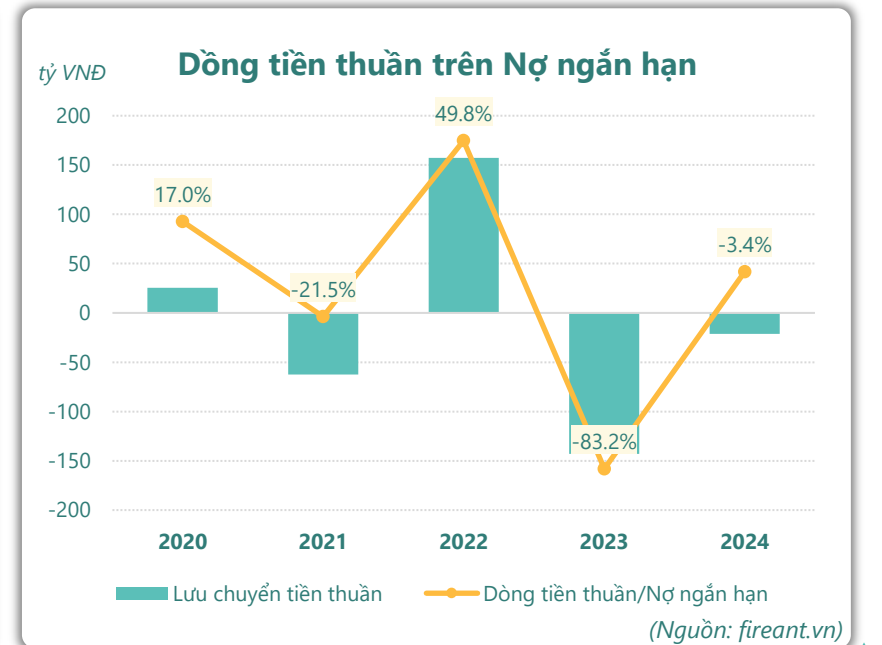
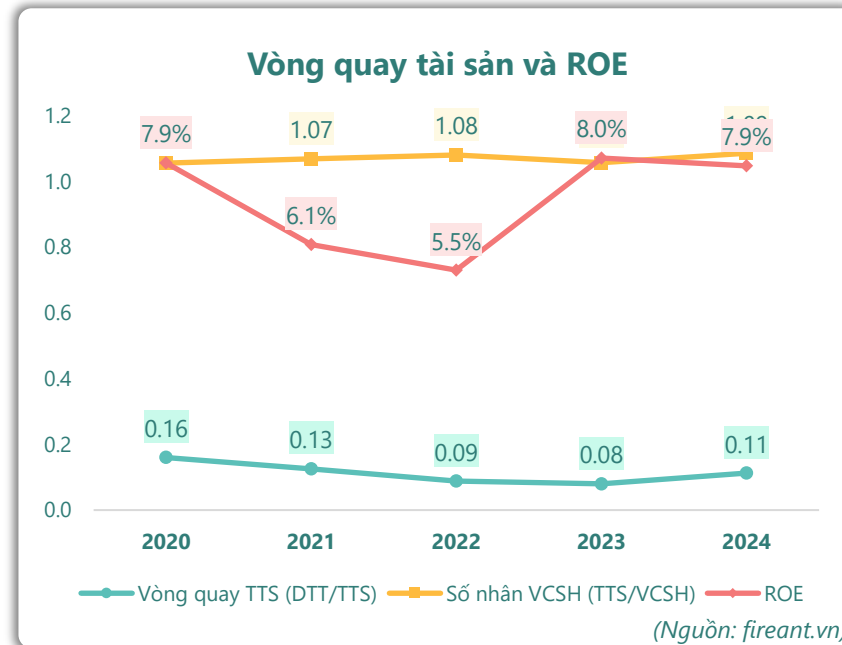
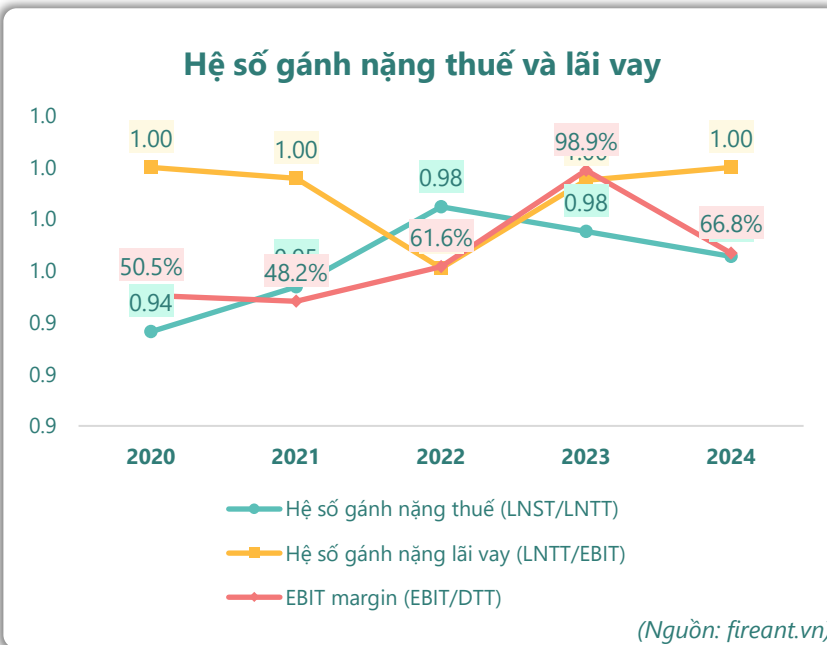
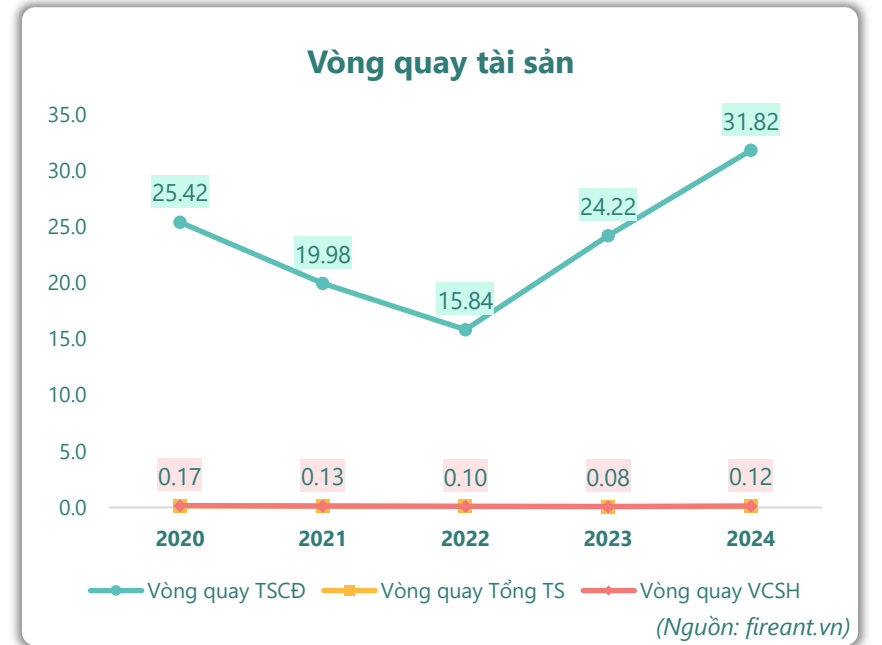
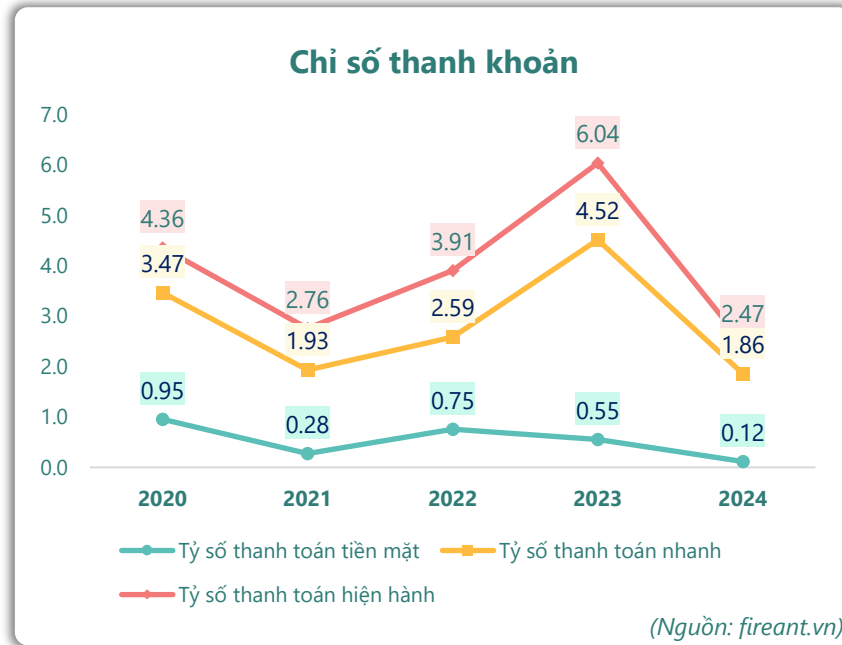
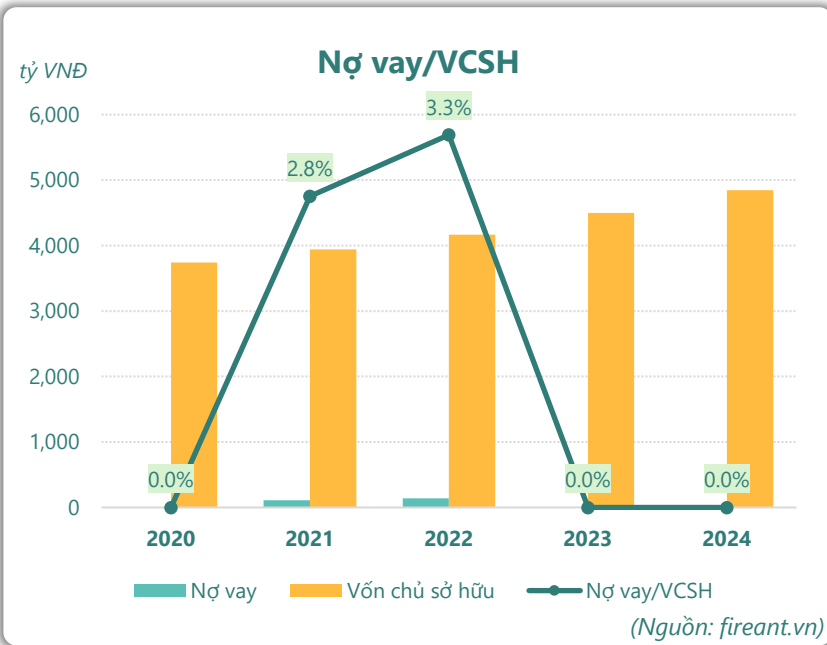
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	323	124	161%	610	355	71.7%
Giá vốn hàng bán	294	108	172%	546	327	67.2%
Lợi nhuận gộp	29.6	15.7	88.6%	64.0	28.7	123%
Doanh thu HĐTC	24.8	9.67	156%	3,737	56.2	6553%
Chi phí TC	0.23	0.00		12.6	4.74	166%
Chi phí lãi vay	0.23	0.00		0.94	0	
LN trong công ty LKLD	0	28.1	-100%	-130	247	-153%
Chi phí bán hàng	25.2	6.42	293%	41.0	19.8	108%
Chi phí QLDN	13.5	2.74	394%	23.8	7.77	207%
LN thuần từ HĐKD	15.4	44.4	-65.3%	3,593	300	1098%
Lợi nhuận khác	0.46	0.30	51.9%	1.47	6.77	-78.3%
LN trước thuế	15.9	44.7	-64.5%	3,595	307	1072%
Lợi nhuận sau thuế	10.6	41.5	-74.6%	3,582	300	1093%
LNST của CĐ cty mẹ	17.2	41.4	-58.3%	3,592	299	1102%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.5	59.0	132	-23.0	-311	1,607
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.0	-44.5	-123	274	139	-1,481
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	0	0	800	-456
Tiền đầu kỳ	67.7	49.2	63.7	73.0	324	952
Lưu chuyển tiền thuần	-18.5	14.5	9.94	251	628	-331
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.00	-0.63	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	49.2	63.7	73.0	324	952	621

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	22,322	5,477	308%
Tài sản ngắn hạn	19,056	1,555	1125%
Tiền và tương đương tiền	621	73.0	751%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,868	914	104%
Phải thu ngắn hạn	763	93.6	715%
Hàng tồn kho	15,569	386	3930%
Tài sản ngắn hạn khác	235	87.9	167%
Tài sản dài hạn	3,266	3,922	-16.7%
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	300	28.8	941%
Bất động sản đầu tư	2,705	454	496%
Tài sản dở dang	7.47	12.5	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	244	3,421	-92.9%
Tài sản dài hạn khác	9.34	6.27	49.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,817	630	823%
Nợ ngắn hạn	3,038	629	383%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	575	497	15.8%
Nợ dài hạn	2,779	1.56	178188%
Vay và nợ thuê dài hạn	591	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	16,505	4,846	241%
Vốn chủ sở hữu	16,505	4,846	241%
Vốn điều lệ	4,320	3,680	17.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

